

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 13/2023/DSST

Ngày 11/4/2023

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Dự
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Loan; ông Lê Giang Nam
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 320/2022/TLST - DS, ngày 16 tháng 11 năm 2022, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-DS ngày 23/3/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn x, xã EK, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Th (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn y, xã ET, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Ngày 06/02/2021, bà Nguyễn Thị Th vay của tôi 20.171.000 đồng. Khi vay tôi có viết giấy vay tiền và bà Th ký dưới mục “Bên vay tiền”, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng nên không thể hiện trong giấy vay tiền. Vì tin tưởng nên tôi không yêu cầu bà Th cầm cố tài sản gì. Bà Th hẹn tôi chậm nhất đến hết tháng 02/2021 (âm lịch) sẽ thanh toán hết. Đến thời hạn trả nợ, tôi nhiều lần đến

nhà để yêu cầu bà Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà Th không trả cho tôi khoản gốc và lãi nào.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Th phải trả cho tôi 27.422.500 đồng. Trong đó: tiền vay gốc là 20.171.000 đồng và lãi suất 1,5%/tháng từ ngày bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tức ngày 01/3/2021 âm lịch (ngày 12/4/2021 dương lịch) đến thời điểm xét xử ngày 11/4/2023 là 7.251.500 đồng.

**** Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:***

Bà thừa nhận ngày 06/02/2021 có vay của bà Nguyễn Thị T 20.171.000 đồng, mục đích vay là để đầu tư phân bón sản xuất nông nghiệp. Lãi suất hai bên tự thỏa thuận chứ không thể hiện trong giấy vay tiền. Chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền đề ngày 06/02/2021 mà nguyên đơn cung cấp tại Tòa án là do bà viết và ký nhận. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà phải trả nợ gốc 20.171.000 đồng và lãi suất 1,5%/tháng từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 01/3/2021 âm lịch (tức ngày 12/4/2021 dương lịch) thì bà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà đề nghị bà T cho khất nợ đến tháng 10/2023 sẽ trả nợ xong cho bà Thúy.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:* Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Đối với đương sự:* Nguyên đơn: Thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Căn cứ các Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 20.171.000 đồng tiền gốc và lãi suất 1,5%/tháng từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 01/3/2021 âm lịch (tức ngày 12/4/2021 dương lịch) đến ngày xét xử.

Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Th đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào các lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định ngày 06/2/2021 các đương sự lập giấy vay tiền với nhau, nội dung giấy vay tiền thể hiện bị đơn bà Nguyễn Thị Th có vay của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền là 20.171.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Th thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 20.171.000 đồng và thừa nhận chữ ký và chữ viết tên trong giấy vay tiền là do bà ký và viết ra. Như vậy, có căn cứ để khẳng định bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Th đã thực hiện hợp đồng vay tài sản với nhau theo quy định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự.

Theo nội dung giấy thỏa thuận vay tiền ngày 06/2/2021, thì các bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là tháng 02/2021 (âm), tuy nhiên bà Th đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà Th không trả số tiền trên cho bà Th là vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Th đề nghị bà được trả dần tuy nhiên nguyên đơn không đồng ý với ý kiến này của bị đơn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là phù hợp với quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Th phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 20.171.000 đồng.

Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu mức lãi suất là 1,5%/tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến thời điểm xét xử là ngày 11/4/2023, mức lãi suất này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, bị đơn đồng ý chịu mức lãi suất này nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận và căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất, cụ thể: $20.171.000 \text{ đồng} \times 18\% / 365 \text{ ngày} \times 729 \text{ ngày} = 7.251.500 \text{ đồng}$.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; cụ thể: $27.422.500 \text{ đồng} \times 5\% = 1.371.000 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Th phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T 27.422.500 đồng (Trong đó: Tiền nợ gốc là 20.171.000 đồng và lãi suất 7.251.500 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Th phải chịu 1.371.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T được nhận lại 661.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0013819 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Dự

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Dự